

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/HNGĐ-ST

Ngày 26/7/2018

“V/v: Ly hôn do mâu thuẫn gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Bình.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Tạ Khắc Nghĩa.

2/ Ông Lưu Danh Sử.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Quang Trung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 76/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 17/2018/QĐST-DS ngày 10/7/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Đinh Thị C, sinh năm 1987; Địa chỉ: thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình;

- Bị đơn: anh Đinh Văn T, sinh năm 1985; Địa chỉ: thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

(Chị C vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình cung cấp chứng cứ nguyên đơn chị Đinh Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/11/2013, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình; sau khi kết hôn vợ chồng vào Miền Nam làm ăn đến tháng 08/2015 vợ chồng về chung sống tại nhà bố, mẹ đẻ anh T ở thôn H, xã T, huyện N sau đó phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không chịu tu trí làm ăn, chơi bời dẫn đến nghiện ma túy. Vợ chồng đã sống ly thân từ lâu không còn quan tâm gì đến nhau. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn,

mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Văn T.

Về con chung; tài sản chung, công nợ chung: chị C xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đối với anh Đinh Văn T: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã ra thông báo và gửi thông báo thụ lý vụ án cho anh T theo quy định tại điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại biên bản làm việc ngày 07/6/2018, bà Nguyễn Thị Nhàn là mẹ đẻ anh T cho biết hiện tại anh Đinh Văn T vẫn sinh sống tại thôn H, xã T, huyện N cùng với ông bà và thường hay đi làm xa thỉnh thoảng mới về. Các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện N ông, bà đã nhận thông báo và giao tận tay cho anh T; anh T đã biết việc chị C xin ly hôn và đồng ý ly hôn nhưng không đến Tòa án làm việc.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: chị Đinh Thị C khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đinh Văn T có địa chỉ: thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện huyện N, tỉnh Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của các đương sự:

+ Chị Đinh Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị C.

+ Anh Đinh Văn T đã được Tòa án nhân dân huyện N triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung khởi kiện:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Đinh Thị C và anh Đinh Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 12/11/2013, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

- Về yêu cầu khởi kiện: Chị C xác định sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng gần 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không chịu tu trí làm ăn, chơi bời dẫn đến nghiện ma túy. Vợ

chồng đã sống ly thân từ lâu không còn quan tâm gì đến nhau. Tại đơn khởi kiện (Về việc xin ly hôn) đề tháng 04/2018, có chữ ký của chị C và anh T đồng thời có xác nhận của chính quyền địa phương ngày 19/4/2018; quá trình giải quyết vụ án anh T không có mặt tại Tòa án và không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị C. Xét yêu cầu khởi kiện của chị C phù hợp với kết quả xác minh tại UBND xã T, huyện N và biên bản làm việc với gia đình anh T. Như vậy, có đủ chứng cứ để khẳng định: Tình cảm vợ chồng và đời sống chung giữa chị C và anh T không còn, quan hệ hôn nhân chỉ là hình thức, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C là phù hợp với thực trạng diễn biến quan hệ hôn nhân giữa họ và phù hợp với pháp luật được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: qua lời trình bày của chị C, căn cứ vào biên bản xác minh tại UBND xã T thì giữa chị C và anh T không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Đinh Thị C và anh Đinh Văn T.
2. Về con chung: không có;
3. Về tài sản chung, công nợ chung: không có;
4. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Đinh Thị C phải chịu là 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N theo biên lai thu số AA/2013/0000764 ngày 19/4/2018.

5. Quyền kháng cáo: Chị C và anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân*

*sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi gửi:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**  
**(Đã ký)**

**Nguyễn Ngọc Bình**